TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ TIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 13/2021/QĐST-DS	*Hà Tiên, ngày 08 tháng 6 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đình Đăng**
Các hội thẩm nhân dân:
1./ Ông **Phan Văn Huy**
2./ Ông **Nguyễn Văn Út**

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12; khoản 3 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH;

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số 67/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

***Nguyên đơn**: Bà Trần Thị N sinh năm 1967

Địa chỉ: Tổ 5, khu phố 5, phường Đ, TP H , tỉnh K .

Tạm trú: Số 97 tỉnh lộ 28, tổ 2, khu phố 2 phường P , Thành phố H tỉnh K.

Ủy quyền cho ông Lê Thanh H sinh năm 1977 (Theo giấy ủy quyền ngày 17/3/2021).

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện C, tỉnh A .

***Bị đơn**: Ông Lê Minh H sinh năm 1955 .

Ủy quyền cho ông Lê Minh L sinh năm 1987 (Theo giấy ủy quyền tham gia tố tụng ngày 10/8/2018).

Cùng địa chỉ: Số 21 đường T, KP1, phường Đ, TP H, tỉnh K.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Trần Gái L sinh năm 1966

HKTT: Số 29 đường 44 phường T, quận 7, TP H.

Địa chỉ thường trú: A10/27J, ấp 2 xã B, huyện B, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Gái L: Bà Trần Thị N sinh năm 1967. (Theo văn bản ủy quyền được công chứng ngày 04/8/2020).

Địa chỉ: Tổ 5, khu phố 5, phường Đ, TP H, tỉnh K.

Tạm trú: Số 97 tỉnh lộ 28, tổ 2, khu phố 2 phường P, Thành phố H tỉnh K.

2. Bà Nguyễn Ngọc S sinh năm 1964.

3.Lê Minh H sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: Số 6, Mạc Tử D, Khu phố 5, phường B, thành phố H tỉnh K.

4. Võ Cu T sinh năm 1985

5. Nguyễn Thị T sinh năm 1991

6. Võ Công H sinh năm 1947

Cùng địa chỉ: Tổ 3, Khu phố 2, phường P, Thành phố H tỉnh K.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Trần Thị N yêu cầu ông Lê Minh H phải trả lại số tiền đã nhận là 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) do hai bên không thực hiện được việc hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

- Ông Lê Minh H đồng ý trả lại cho bà Trần Thị N số tiền 150.000.000đ *(Một trăm năm mươi triệu đồng).*

- Thời gian và phương thức thanh toán: Số tiền 150.000.000đ *(Một trăm năm mươi triệu đồng)* ông Lê Minh H đồng ý trả cho bà Trần Thị N một lần vào ngày 08/7/2021; bà Trần Thị N cũng thống nhất số tiền và thời gian trả như trên.

- Về án phí: Số tiền án phí bà Trần Thị N tự nguyện nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 14.600.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001126 ngày 12/7/2018 của Chi cục thi hành dân sự thị xã H (nay là thành phố H). Sau khi đối trừ bà Trần Thị N được nhận lại số tiền 14.300.000đ *(Mười bốn triệu ba trăm nghìn đồng).*

Số tiền án phí còn lại ông Lê Minh H không phải chịu do ông Lê Minh H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí được Tòa án chấp nhận.

- Về chi phí tố tụng:

+Về chi phí trích đo: Bà Trần Thị N đã nộp số tiền là 592.000đ *(Năm trăm chín mươi hai nghìn đồng)* theo hóa đơn giá trị gia tăng ngày 23/01/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố H tỉnh K.

+ Về chi phí định giá: Bà Trần Thị N đã nộp số số tiền chi phí định giá 9.041.000đ *(Chín triệu không trăm bốn mươi mốt nghìn đồng)* theo hóa đơn giá trị gia tăng ngày 03/11/2020 của Công ty cổ phần thẩm định giá và tư vấn đầu tư Miền Tây.

Tổng chi phí tố tụng là 9.633.000đ *(Chín triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn đồng)* ông Lê Minh H tự nguyện chịu ½ = 4.816.500đ *(Bốn triệu tám trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng).* Bà Trần Thị N tự nguyện chịu ½ = 4.816.500đ *(Bốn triệu tám trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng).*

Do bà Trần Thị N đã nộp toàn bộ số tiền trên nên bà Trần Thị Nkhông

phải nộp thêm.

Ông Lê Minh H đồng ý trả lại cho bà Trần Thị N số tiền chi phí tố tụng là 4.816.500đ *(Bốn triệu tám trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền trên thì người có nghĩa vụ còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Thành phố Hà Tiên
- Chi cục THADS thành phố Hà Tiên. *(để thi hành)*
- Các đương sự,
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đình Đăng